

Số: /CCKL-SDPTR

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2024

V/v báo cáo tình hình thực hiện
Quyết định 156/QĐ-BNN-KHCN và
Quyết định 1693/QĐ-BNN-KHCN

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1778/SNN-KHTH ngày 03/6/2024 về việc báo cáo tình hình thực hiện Quyết định 156/QĐ-BNN-KHCN và Quyết định 1693/QĐ-BNN-KHCN. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Chi cục Kiểm lâm báo cáo nội dung liên quan thuộc lĩnh vực lâm nghiệp, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC THAM MURU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 về Kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 về Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Hằng năm, Chi cục Kiểm lâm tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Chi cục Kiểm lâm tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Văn bản số 1432/SNN-KL ngày 13/6/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định; Văn bản số 1487/SNN-KL ngày 15/6/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Văn bản số 906/SNN-KL ngày 27/4/2021 về việc triển khai một số giải pháp hưởng ứng Chương trình Trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Chi cục Kiểm lâm đã ban hành Văn bản số 1322/CCKL-SDPTR ngày 31/10/2022 về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành Giao thông vận tải theo Quyết định số 876/QĐTTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 1359/CCKL-SDPTR ngày 07/11/2022 về việc triển khai thực hiện Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên

hợp quốc về biến đổi khí hậu theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên

a) Công tác bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên được thực hiện tốt, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 56,03 % (năm 2020) lên 57,32% (năm 2023). Lực lượng kiểm lâm, chủ rừng và các đơn vị ở địa phương tăng cường tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

b) Hầu hết những diện tích đất trống, đồi núi trọc trên địa bàn tỉnh đã được phủ xanh, góp phần giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, ổn định môi trường sinh thái. Chất lượng diện tích rừng ngày càng được nâng lên và phát huy được giá trị môi trường, tạo nhiều vùng nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến, tăng thu nhập cho người dân. Hệ thống đường lâm nghiệp cơ bản được đáp ứng, tạo thuận lợi kết nối giao thông giữa vùng núi và đồng bằng...Tình hình phá rừng, cháy rừng, khai thác vận chuyển mua bán lâm sản, săn bắn, kinh doanh động vật hoang dã từng bước hạn chế.

c) Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang thực hiện khoán bảo vệ rừng diện tích 120.693,12 lượt ha và các đơn vị chủ rừng đang triển khai lập hồ sơ thiết kế - dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đưa vào khoán mới bảo vệ rừng 9.063,52 ha; đang triển khai thực hiện khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên lượt 284 ha; đang thực hiện hỗ trợ bảo vệ rừng 35.415,01 lượt ha. Công tác giao khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng đã hỗ trợ cho người dân một phần kinh phí để trang trải trong cuộc sống; do đó đã hạn chế được việc phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ, chặt củi đốt than; đồng thời tạo được mối liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng; hỗ trợ tích cực cho các ngành chức năng trong công tác bảo vệ phát triển rừng.

2. Trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng

Từ năm 2020 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã trồng được 301,20 ha. Đối với trồng rừng phòng hộ, đặc dụng được thực hiện theo phương thức trồng thuần loài cây bản địa hoặc hỗn giao giữa cây mọc nhanh (Keo lai, Keo lá tràm) với cây bản địa (Sao đen, Lim xanh, Dầu rái, Thông Caribe) nhằm nâng cao hiệu quả phòng hộ, góp phần phục hồi hệ sinh thái rừng, bảo vệ đa dạng sinh học.

3. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng

a) Người trồng rừng trên địa bàn tỉnh hiện nay không còn trồng rừng theo hình thức quảng canh mà đã chuyển sang trồng rừng thâm canh, trồng rừng bằng cây giống có nguồn gốc rõ ràng, một số đơn vị trồng rừng sản xuất bằng cây nuôi cấy mô nên chất lượng và năng suất rừng trồng ngày càng được nâng cao. Năng suất rừng trồng bình quân năm 2020 là 20 m³/ha/năm, đến nay là 22 m³/ha/năm; đối với rừng trồng sản xuất cây gỗ lớn, năng suất bình quân đạt tới 25 m³/ha/năm.

b) Để góp phần nâng cao giá trị rừng trồng sản xuất, tỉnh đã chú trọng chuyển từ trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn và khuyến khích người trồng rừng xây dựng chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC). Đến nay diện tích rừng trồng gỗ lớn trên toàn tỉnh đến nay là 9.882 ha.

4. Các chương trình, dự án, mô hình triển khai thực hiện

Từ năm 2020 đến năm 2022, từ nguồn hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông quốc gia đã triển khai Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn bằng giống keo lai mô với diện tích 150 ha (năm 2020: 40 ha, năm 2021: 55 ha; năm 2022: 55 ha). Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng cây gỗ lớn cho người dân tham gia dự án, đồng thời, đặt cây giống, chuẩn bị vật tư nông nghiệp, hướng dẫn chủ rừng thực hiện việc trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo đúng quy trình kỹ thuật. Mô hình rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống keo lai cây mô, hiện cây trồng tại các mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn do Trung tâm triển khai đang phát triển tốt. Đặc biệt những vùng rừng trồng thí điểm vào năm 2020, tỷ lệ cây sống lên tới hơn 95%, cao hơn 5 m, đường kính từ 5,5 - 6,5 cm. Đối với mô hình trồng thí điểm năm 2021, tỷ lệ sống trên 95%, cây cao trên 2 m, đường kính từ 2,8 - 3,8 cm. Các mô hình này đều sử dụng giống keo cấy mô dòng AH1, AH7 và BV 75, qua theo dõi không có sâu bệnh phát triển.

5. Về việc thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ FSC

a) Quản lý rừng bền vững: Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 10 đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, gồm: 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Hà Thanh, Sông Kôn và 07 Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng (Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn và các Ban Quản lý rừng phòng hộ An Lão, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn). Hiện nay, các Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn, Vân Canh đang hoàn chỉnh Phương án để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC: Đến nay, diện tích rừng được cấp chứng chỉ trên địa bàn tỉnh là 10.891,20 ha, trong đó: rừng tự nhiên 1.450,0 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh (khu vực bảo vệ ven suối) 217,0 ha, diện tích rừng trồng 9.224,2 ha.

6. Tình hình thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025

Từ năm 2021 đến nay, trên địa bàn tỉnh trồng được 2.601.905 cây.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

a) Công tác khoán bảo vệ rừng, khoán Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên được các đơn vị triển khai kịp thời.

b) Tỷ lệ che phủ tăng từ 56,03 % (năm 2020) lên 57,32% (năm 2023).

c) Các hạt kiểm lâm, chủ rừng và các đơn vị ở địa phương tăng cường tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật. Nhờ vậy, nhiều vụ việc được phát hiện sớm và xử lý nghiêm theo quy định góp phần giáo dục, răn đe chung.

2. Hạn chế, tồn tại

a) Tình trạng người dân lén lút phá rừng với hình thức lấn biên rừng để mở rộng diện tích nương rẫy hoặc trồng rừng kinh tế; khai thác rừng, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

b) Việc thực hiện mục tiêu Kế hoạch Trồng mới một tỷ cây xanh tại địa phương còn chậm do gặp khó khăn về nguồn kinh phí, quỹ đất để trồng cây xanh tại địa phương rất hạn chế.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU THỜI GIAN TỐI

1. Tiếp tục quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng. Hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

2. Tiếp tục kiểm tra, rà soát diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch phòng hộ, nhất là diện tích đất có trạng thái DT1, DT2 và ưu tiên phát triển trồng rừng vùng ven biển để từ đó đưa vào kế hoạch trồng rừng đối với những diện tích đủ điều kiện trồng rừng phòng hộ theo quy định.

3. Tiếp tục khoán bảo vệ rừng và khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đối với những diện tích đủ điều kiện để bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ, đặc dụng hiện có và diện tích tạo mới góp phần giảm lũ vùng thượng nguồn và phòng chống sạt lở vùng ven biển.

4. Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng thông qua các cơ chế, chính sách khuyến khích đất đai, tín dụng, bảo hiểm, thuế, thị trường. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2440/QĐ-UBND ngày 19/7/2018; theo đó đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định có 10.000 ha rừng trồng sản xuất gỗ lớn và đến năm 2035, diện tích rừng trồng gỗ lớn của tỉnh đạt 30.000 ha.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ nuôi cấy mô, hom để trồng rừng sản xuất; tăng cường trồng cây phân tán, thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

6. Nâng cao tỷ lệ che phủ và chất lượng rừng nhằm giảm nguy cơ suy thoái và mất rừng để tăng khả năng hấp thụ các bon, thực hiện tốt chương trình chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình giảm phát thải nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng, xây dựng và nhân rộng các mô hình canh tác nông lâm nghiệp bền vững.

7. Phát triển nguồn nhân lực, bố trí đủ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu ở địa phương phù hợp với tổ chức bộ máy, trách nhiệm quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ

Ban hành các chính sách về cơ chế hỗ trợ vốn, cơ chế cho vay phù hợp với trồng rừng kinh doanh gỗ lớn; cơ chế hỗ trợ đối với các doanh nghiệp và người dân khi tham gia chuỗi liên kết sản xuất trồng rừng gỗ lớn trên diện tích trồng lại rừng sau khai thác gỗ nguyên liệu giấy.

2. Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ban hành Quy trình sản xuất cây giống bằng công nghệ nuôi cấy mô, quy trình phục tráng giống để nâng cao chất lượng cây giống. Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi về nguồn vốn vay đầu tư cho các doanh nghiệp ứng dụng sản xuất lâm nghiệp công nghệ cao để khuyến khích các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, khảo nghiệm để đưa giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất cao, tính chống chịu sâu bệnh hại và môi trường khắc nghiệt phù hợp với mục đích kinh doanh gỗ lớn, phù hợp với từng loại lập địa.

3. Đối với UBND tỉnh

a) Cân đối ngân sách để hỗ trợ các doanh nghiệp, cộng đồng, nhóm hộ, hộ gia đình trong cấp chứng chỉ FSC rừng trồng và trồng rừng gỗ lớn theo quy định.

b) Quan tâm, bố trí kinh phí để trang bị phần mềm, ảnh viễn thám, máy móc thiết bị và các công cụ hỗ trợ nhằm khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám phát hiện sớm biến động rừng, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng đạt hiệu quả cao.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHTH Sở;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu